

Số: 1205/ĐHKTL-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cảnh báo học tập sinh viên hệ đại học chính quy
học kỳ II năm học 2018 - 2019**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ II năm học 2018 - 2019 của sinh viên và kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét học tiếp, cảnh báo học tập, đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách đối với sinh viên hệ đại học chính quy trong phiên họp ngày 30/09/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cảnh báo học tập 66 sinh viên hệ đại học chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Thời gian cảnh báo học tập kéo dài trong 1 học kỳ chính tiếp theo (HKI năm học 2019 - 2020). Sinh viên sẽ được xóa tên trong danh sách cảnh báo học tập, nếu có kết quả học tập ở cuối kỳ tiếp theo không vi phạm Điều 31 và Điều 32 quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, PĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ - LUẬT
Lê Tuấn Lộc

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Đính kèm QĐ 1205/ĐHKTL-ĐT ngày 07 tháng 10 năm 2019)

STT	MÃ LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GHI CHÚ
1	K16401	K164012064	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	20/09/1998	
2	K16402	K164020151	VÕ MINH	KHIẾT	03/12/1998	Giảm mức ĐC
3	K16402	K164020249	MAI ĐÌNH	TRƯỜNG	15/01/1996	
4	K16402	K164020252	TRẦN ĐĂNG ANH	TUẤN	05/03/1998	
5	K16403	K164030348	NGUYỄN THỊ TRÚC	ĐÀO	28/12/1998	
6	K16404	K164042161	TRẦN VĂN	HUYNH	30/01/1995	
7	K16404C	K164040643	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	25/04/1998	
8	K16404C	K164042214	LÊ THỊ THU	HOÀI	14/01/1998	
9	K16404C	K164042217	TRƯƠNG ĐỨC	KHUƠNG	02/11/1998	Giảm mức ĐC
10	K16407	K164072297	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠI	08/04/1998	Giảm mức ĐC
11	K16408	K164081043	MAI VĂN	HIẾU	18/08/1998	
12	K16408	K164081097	ĐÌNH DƯƠNG	THIỆN	23/10/1998	
13	K16409	K164091295	HỒ THỊ QUỲNH	TRANG	01/01/1998	
14	K16409C	K164091321	TRƯƠNG PHẠM THÀNH	ĐẠT	10/11/1998	
15	K16410	K164101443	LÊ TRỊNH MAI	TRÂM	01/02/1998	
16	K16410	K164102431	NGUYỄN THỊ THANH	TỊNH	30/06/1998	Giảm mức ĐC
17	K16412	K164040515	HOÀNG HIẾU	NHÂN	02/02/1996	Giảm mức ĐC
18	K16502	K165021761	MAI THẾ	NAM	18/07/1997	
19	K16503	K165032577	BÙI THÀNH	ĐẠT	15/05/1998	
20	K16503C	K165031940	VÕ TRUNG	ANH	30/08/1998	
21	K16503C	K165031951	HOÀNG TRỌNG	HÓA	22/05/1995	
22	K16504	K165041976	PHẠM THỊ THANH	BÌNH	24/10/1998	
23	K17401	K174010040	NGUYỄN PHƯỚC	NHI	15/04/1998	
24	K17402	K174020078	TRỊNH THỊ ANH	ĐÀO	29/10/1999	
25	K17402	K174020082	TRẦN LỆ	HẰNG	07/07/1999	
26	K17404A	K174040419	NGÔ THỊ NGỌC	TRÂM	09/09/1999	
27	K17404C	K174040468	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	23/10/1999	
28	K17405	K174050499	VÕ BẢO	ÂN	26/08/1999	
29	K17405	K174050518	NÔNG THỊ	LIÊN	23/02/1999	
30	K17406	K174060634	LÊ MINH KHOA	CHIẾN	11/08/1999	
31	K17407	K174070751	CHÊ THỊ KIM	HẰNG	11/07/1999	
32	K17407	K174070806	LƯƠNG THỊ HUỲNH	TRẦN	25/10/1999	
33	K17407	K174070807	NGUYỄN HỒ BẢO	TRẦN	11/09/1999	
34	K17407	K174070811	TRẦN LÊ	TUYÊN	19/02/1999	
35	K17408	K174080864	LÊ AN	BÌNH	22/07/1999	
36	K17408CA	K174081004	BÙI THỊ THANH	THẢO	15/08/1999	
37	K17410C	K174101196	TRẦN TRUNG	NGUYỄN	19/09/1999	
38	K17410C	K174101214	HUỲNH BÍCH	TUYÊN	04/10/1999	
39	K17411	K174111230	LÊ MINH	ĐỨC	29/01/1999	
40	K17411	K174111226	VY THẾ	BẢO	31/03/1998	Giảm mức ĐC
41	K17412	K174040393	PHẠM THỊ THU	TÂM	08/03/1999	
42	K17501	K175011337	HOÀNG KIM	DUNG	01/08/1999	
43	K17501C	K175011422	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	07/02/1999	
44	K17502C	K175021460	NGUYỄN TÂN	DŨNG	12/01/1999	
45	K17502C	K175021572	NGUYỄN NGỌC KHẢ	TÚ	21/06/1999	

STT	MÃ LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GHI CHÚ
46	K17503	K175031639	ĐOÀN VŨ MINH	THU	24/02/1999	
47	K17503C	K175031656	NGUYỄN HỮU THÀNH	ĐẠT	05/10/1999	
48	K17504	K175041741	HOÀNG ĐỨC	THỊNH	09/07/1999	
49	K18401	K184010048	LÊ THÀNH	TÂM	26/08/2000	
50	K18402	K184020150	TRẦN NGUYỄN THANH	NGÂN	22/03/2000	
51	K18402	K184020187	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYÊN	06/03/2000	
52	K18403	K184030259	NGUYỄN NGỌC	LAN	20/09/2000	
53	K18403C	K184030343	VÕ KIM	VÂN	13/11/2000	
54	K18404CA	K184040537	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	12/11/2000	
55	K18405	K184050607	TẶNG THỊ	THÚY	15/06/2000	
56	K18405	K184050619	LIÊN PHAN MỸ	UYÊN	25/07/2000	
57	K18405CA	K184050671	LÊ THỊ TUYẾT	HOA	04/01/2000	
58	K18405CA	K184050682	DƯƠNG NGUYỄN THU	MINH	13/11/2000	
59	K18407CA	K184070957	LÊ ÁI KHÁNH	LINH	01/06/2000	
60	K18409	K184091184	LÊ ĐẶNG BÁ	QUỲNH	07/01/2000	
61	K18410C	K184101352	TRẦN MINH THÁI	TRIỀU	27/01/2000	
62	K18502	K185021634	ĐÌNH THÚY	AN	27/02/2000	Giảm mức ĐC
63	K18502	K185021651	HỒ VÕ THÚY	HIỀN	28/09/2000	
64	K18503	K185031800	NGUYỄN TRỊNH MAI	PHƯƠNG	20/11/2000	
65	K18503C	K185031822	BUI ĐOÀN VIỆT	HÀ	01/05/2000	
66	K18504C	K185041939	NGUYỄN HẠ	MỸ	22/06/2000	

NGƯỜI LẬP DANH
SÁCH



Châu Văn Hồ

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Cù Xuân Tiến



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Tuấn Lộc